TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-9-2025.
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vũ Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Loan
2. Ông Nguyễn Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Chi. Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 – Cần Thơ tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2025/TLST- HNGĐ, ngày 18 tháng 7 năm 2025, về Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2025/QĐXX - ST ngày 25 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị NGiàu, sinh năm: 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã P, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Lê Phúc T, sinh năm: 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 07/7/2025 và quá trình tố tụng chị Nguyễn Thị NGiàu trình bày:

Chị G và anh Lê Phúc T quen biết tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang (Nay là Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, thành phố Cần Thơ) vào ngày 04/11/2009 theo giấy chứng nhận kết hôn số 01/2009. Quá trình sống chung xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng ý kiến trong nhiều quan điểm sống, anh chị thường hay cải nhau mặc khác anh Th có hành vi đánh đập và bạo lực đối với Chị G, từ đó chị và anh Th đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh Th, nên chị cương quyết yêu cầu xin ly hôn với anh Th.

Về con chung: Có 02 con chung Lê Phúc Kh, giới tính: Nam, sinh ngày: 07/07/2011 và cháu Lê Phúc H, giới tính: Nam, sinh ngày: 03/01/2014. Từ khi

ly thân đến nay cháu Kh và cháu H sống với anh Th, sau khi ly hôn chị đồng ý giao 02 con chung cho anh Th tiếp tục nuôi dưỡng. Chị chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng anh Lê Phúc T trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của Chị G về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung. Thời gian đầu anh chị sống rất hạnh phúc và sau thời gian chung sống cả hai bất đồng ý kiến với nhau trong nhiều quan điểm sống và anh chị sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay Chị G yêu cầu ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn. Anh có làm đơn yêu cầu được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và xét xử của Tòa án.

Về con chung: Lê Phúc Kh, giới tính: Nam, sinh ngày: 07/07/2011 và cháu Lê Phúc H, giới tính: Nam, sinh ngày: 03/01/2014. Từ khi ly thân đến nay cháu Kh và cháu H sống với anh Th, sau khi ly hôn anh yêu cầu tiếp tục được nuôi 02 con chung và chưa yêu cầu chị phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 14, Điều 51 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị G. Về con chung: Giao 02 con chung cho anh Th tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi 02 con chung đủ 18 (Mười tám) tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Chị G phải chịu theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Lê Phúc T có đăng ký thường trú tại: xã Tân Bình, thành phố Cần Thơ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Cần Thơ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trước khi mở phiên tòa anh Lê Phúc T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử vắng mặt anh Th theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh Th tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2009 có tổ chức lễ cưới truyền thống và có đến cơ quan có thẩm quyền Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang (Nay là Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, thành phố Cần Thơ) đăng ký kết hôn vào ngày

04/11/2009 theo giấy chứng nhận kết hôn số 01/2009 theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, do bất đồng ý kiến với nhau, không hợp nhau về tính cách, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh chị hay cãi nhau mục đích hôn nhân không đạt được và cả hai tự sống ly thân từ năm 2018 đến nay.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải động viên để anh, chị xóa bỏ những mâu thuẫn trước đây để đoàn tụ vợ chồng, nhưng anh chị vẫn sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay và không yêu cầu Tòa án hòa giải, anh chị thống nhất ly hôn. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Nguyễn Thị NGiàu xin ly hôn với anh Lê Phúc T là có căn cứ, phù hợp với tình trạng hôn nhân của anh, chị. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị NGiàu đối với anh Lê Phúc T phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Anh Th có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con chung, cháu Kh và cháu H có nguyện vọng sống với anh Th. Hội đồng xét xử xét thấy việc nuôi con, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục vừa là quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ. Khi cha, mẹ ly hôn các con đã mất điểm tựa quan trọng là mái ấm gia đình có cha lẫn mẹ nên việc giao con cho cha mẹ ly hôn phải căn nhắc đến quyền lợi về mọi mặc của con. Xét thấy sự thỏa thuận của anh chị phù hợp với nguyện vọng của con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận trên, giao cháu Kh và cháu H cho anh Th tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 (mười tám) tuổi theo quy định tại khoản Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị G chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho Chị G không ai được quyền ngăn cản.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị G phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35; Điều 39, Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 9; Điều 51; Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị NGiàu. Cho chị Nguyễn Thị Ngọc G được ly hôn với anh Lê Phúc T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Phúc Kh, giới tính: Nam, sinh ngày: 07/07/2011 và cháu Lê Phúc H, giới tính: Nam, sinh ngày: 03/01/2014 cho anh Lê Phúc T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu Kh và cháu H đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị G chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho Chị G không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc G phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000721 ngày 18/7/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí. Nguyên đơn không phải nộp thêm.

5. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:**
- TAND TP Cần Thơ;
- Viện KSND KV 13- Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- Các đương sự;
- UBND. Xã Tân Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Vũ Tiên